Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Building a better working world

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 28

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004. Việc cổ phần hóa này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000046 vào ngày 12 tháng 11 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau:

GCNĐKKD điều chỉnh số:	*Ngày:*
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ nhất	ngày 19 tháng 5 năm 2006
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ hai	ngày 17 tháng 5 năm 2007
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ ba	ngày 28 tháng 7 năm 2007
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tư	ngày 10 tháng 1 năm 2008
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ năm	ngày 18 tháng 3 năm 2008
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ sáu	ngày 14 tháng 1 năm 2009
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ bảy	ngày 25 tháng 9 năm 2009
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tám	ngày 1 tháng 9 năm 2010
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ chín	ngày 7 tháng 6 năm 2011

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2009 theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 1 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình thủy lợi; xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; đầu tư, xây dựng các công trình vừa và nhỏ; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình đường bộ; mua bán và chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su); trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm cao su; kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện; mua bán bất động sản; và kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 114, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thanh Lạc	Chủ tịch
Ông Huỳnh Đoan	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên
Bà Trần Thị Phương	Thành viên
Ông Trần Nguyễn Hoàn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Vũ Hải Hà	Trưởng ban	
Ông Hàn Phi Hải	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Quang Thương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Thị Thu Hồng	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Xuân Hướng	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016

GIÁM ĐỐC

Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Huỳnh Đoan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Thanh Lạc.

Ông Huỳnh Đoan, Giám đốc, được Ông Phan Thanh Lạc, người đại diện theo pháp luật của Công ty, ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo Quyết định số 05/2011/QĐ-HĐQT ngày 14 tháng 6 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của tôi, Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Huỳnh Đoan
Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 61121146/18709648-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") được lập ngày 8 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 28 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Building a better working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Đoàn Thị Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2016*	*Ngày 1 tháng 1 năm 2016*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**48.385.502.137**	**63.155.182.301**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***1.759.566.431***	***785.660.276***
111	1. Tiền		350.532.631	485.660.276
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.409.033.800	300.000.000
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***46.417.378.927***	***62.206.014.720***
132	1. Tạm ứng cho nhà cung cấp		12.600.000	-
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	21	30.600.000.000	17.250.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	15.804.778.927	44.956.014.720
140	***III. Hàng tồn kho***	***6***	***197.720.932***	***160.156.358***
141	1. Hàng tồn kho		197.720.932	160.156.358
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***10.835.847***	***3.350.947***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		6.515.151	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	4.320.696	3.350.947
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**182.701.637.399**	**196.003.398.166**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***91.056.412.796***	***94.103.414.493***
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	91.056.412.796	94.103.414.493
220	***II. Tài sản cố định***		***1.676.336.044***	***1.807.468.066***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.657.586.044	1.781.218.066
222	Nguyên giá		5.600.479.811	5.600.479.811
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.942.893.767)	(3.819.261.745)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	18.750.000	26.250.000
228	Nguyên giá		45.000.000	45.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(26.250.000)	(18.750.000)
250	***III. Đầu tư tài chính dài hạn***	***10***	***89.849.575.416***	***100.039.758.323***
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		89.849.575.416	100.039.758.323
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***119.313.143***	***52.757.284***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		119.313.143	52.757.284
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**231.087.139.536**	**259.158.580.467**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2016*	*Ngày 1 tháng 1 năm 2016*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**598.931.693**	**30.686.971.806**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***598.931.693***	***30.686.971.806***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	4.682.517	142.957.370
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	125.917.485	908.761.802
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn		32.500.000	37.500.000
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	13	40.943.531	29.156.923.974
322	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		394.888.160	440.828.660
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**14**	**230.488.207.843**	**228.471.608.661**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		**230.488.207.843**	***228.471.608.661***
411	1. Vốn cổ phần		246.569.880.000	246.569.880.000
411a	*- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết*		*246.569.880.000*	*246.569.880.000*
415	2. Cổ phiếu quỹ		(26.791.024.482)	(26.791.024.482)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.224.100.430	6.224.100.430
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.485.251.895	2.468.652.713
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*2.468.652.713*	*29.382.280*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*2.016.599.182*	*2.439.270.433*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**231.087.139.536**	**259.158.580.467**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN TÂY NGUYÊN

Hồ Thị Anh Thư	Hồ Thị Anh Thư	Huỳnh Đoan
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng**	**15.1**	**6.410.339.757**	**2.063.931.091**
11	**2. Giá vốn hàng bán**	**18**	**4.965.482.849**	**1.454.059.255**
20	**3. Lợi nhuận gộp về bán hàng**		**1.444.856.908**	**609.871.836**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	**15.2**	**2.511.549.523**	**486.051.711**
22	**5. Chi phí tài chính**	**16**	**-**	**(721.506.334)**
25	**6. Chi phí bán hàng**	**18**	**12.332.972**	**-**
26	**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**17,18**	**1.605.635.996**	**751.903.857**
30	**8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**2.338.437.463**	**1.065.526.024**
31	**9. Thu nhập khác**		**-**	**613.636**
40	**10. Lợi nhuận khác**		**-**	**613.636**
50	**11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**2.338.437.463**	**1.066.139.660**
51	**12. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**19.1**	**321.838.281**	**226.552.415**
60	**13. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**2.016.599.182**	**839.587.245**
70	**14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**21**	**90**	**38**
71	**15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**21**	**90**	**38**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN TÂY NGUYÊN

Hồ Thị Anh Thư	Hồ Thị Anh Thư	Huỳnh Đoan
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**2.338.437.463**	**1.066.139.660**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	18	3.269.250.215	514.997.274
03	Hoàn nhập dự phòng	16	-	(721.506.334)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	15.2	(2.511.549.523)	(486.051.711)
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**3.096.138.155**	**373.578.889**
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		16.146.655.384	(2.400.778.075)
10	Tăng hàng tồn kho		(37.564.574)	(10.157.400)
11	Tăng các khoản phải trả		4.814.816.183	1.500.116.631
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(73.071.010)	22.586.666
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	5.600.000.000
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19.1	(77.688.592)	(41.878.788)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(50.784.703)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**23.869.285.546**	**4.992.683.220**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(21.800.000.000)	(7.600.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		8.450.000.000	14.080.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(10.000.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.422.842.049	42.748.299.377
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**6.072.842.049**	**39.228.299.377**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	14.2	(28.968.221.440)	(33.425.320.560)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(28.968.221.440)**	**(33.425.320.560)**
50	**Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ**		**973.906.155**	**10.795.662.037**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**785.660.276**	**362.166.690**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**4**	**1.759.566.431**	**11.157.828.727**

Hồ Thị Anh Thư	Hồ Thị Anh Thư	Huỳnh Đoan
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004. Việc cổ phần hóa này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000046 vào ngày 12 tháng 11 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau:

GCNĐKKD điều chỉnh số:	*Ngày:*
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ nhất	ngày 19 tháng 5 năm 2006
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ hai	ngày 17 tháng 5 năm 2007
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ ba	ngày 28 tháng 7 năm 2007
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tư	ngày 10 tháng 1 năm 2008
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ năm	ngày 18 tháng 3 năm 2008
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ sáu	ngày 14 tháng 1 năm 2009
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ bảy	ngày 25 tháng 9 năm 2009
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tám	ngày 1 tháng 9 năm 2010
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ chín	ngày 7 tháng 6 năm 2011

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2009 theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 1 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình thủy lợi; xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; đầu tư, xây dựng các công trình vừa và nhỏ; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình đường bộ; mua bán và chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su); trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm cao su; kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện; mua bán bất động sản; và kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 114, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 5 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 24 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")

Các khoản đầu tư vào HĐHTKD của Công ty được thực hiện dưới hình thức phân chia lợi nhuận sau thuế (trong đó Công ty là bên không kế toán và không thực hiện quyết toán thuế). Theo đó, Công ty theo dõi và ghi nhận phần doanh thu và chi phí riêng biệt tương ứng theo tỷ lệ hợp tác của Công ty trong HĐHTKD vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Việc ghi nhận này được áp dụng phi hồi tố theo hướng dẫn của Thông tư 200.

Dự phòng giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.11 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ cộng số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ đầu tư phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá trị hợp lý của các khoản phải thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Ghi nhận doanh thu* (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải trả và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Ngày 1 tháng 1 năm 2016*
Tiền mặt	13.771.517	14.390.047
Tiền gửi ngân hàng	336.761.114	471.270.229
Các khoản tương đương tiền	1.409.033.800	300.000.000
TỔNG CỘNG	**1.759.566.431**	**785.660.276**

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi với lãi suất bình quân là 4,5%/ năm.

Các thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu đã được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo quy định của Thông tư 200. Chi tiết như sau:		
Thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia qua cấn trừ công nợ	25.132.828.745	21.770.346.000
Cổ tức chi trả qua cấn trừ công nợ	18.954.044.200	21.770.346.000

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Ngày 1 tháng 1 năm 2016*
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	11.000.000.000	-
Phải thu từ HĐHTKD	4.422.385.094	44.469.491.970
Phải thu lãi cho vay	341.627.779	474.506.500
Khác	40.766.054	12.016.250
TỔNG CỘNG	**15.804.778.927**	**44.956.014.720**
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 20)	*15.764.012.873*	*44.943.998.470*
Các bên thứ ba	*40.766.054*	*12.016.250*

6. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Ngày 1 tháng 1 năm 2016*
Công cụ, dụng cụ	177.782.332	160.156.358
Nguyên vật liệu	19.938.600	-
TOTAL	**197.720.932**	**160.156.358**

7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản góp vốn liên doanh với Công ty Cổ phần Điện Gia Lai theo các HĐHTKD vào các nhà máy thủy điện sau đây *(Thuyết minh số 20)*:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Ngày 1 tháng 1 năm 2016*
Nhà máy Thủy điện ĐăkPiHao 2	46.199.063.553	47.886.496.928
Nhà máy Thủy điện IaPuch 3	35.258.950.646	36.259.018.986
Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 3 và Nhà máy Thủy điện IaMeur 3	9.598.398.597	9.957.898.579
TỔNG CỘNG	**91.056.412.796**	**94.103.414.493**

Khoản giảm số dư phải thu dài hạn khác trong kỳ thể hiện tiền thu hồi các khoản góp vốn liên doanh vào các dự án nhà máy thủy điện.

Phần doanh thu và chi phí tương ứng của Công ty trong các HĐHTKD này cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Doanh thu thuần về bán hàng *(Thuyết minh số 15.1)*	6.283.998.129
Giá vốn hàng bán	4.477.561.539
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	966.615.001
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	839.821.589
Chi phí thuế TNDN hiện hành	174.032.982
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**665.788.607**

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Tài sản cố định khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2016	3.133.103.240	2.299.467.199	124.419.372	43.490.000	5.600.479.811
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	*1.584.426.368*	*124.419.372*	-	*1.708.845.740*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.969.947.655	1.717.646.383	124.419.372	7.248.335	3.819.261.745
Khấu hao trong kỳ	73.178.760	48.278.760	-	2.174.502	123.632.022
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.043.126.415	1.765.925.143	124.419.372	9.422.837	3.942.893.767
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.163.155.585	581.820.816	-	36.241.665	1.781.218.066
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.089.976.825	533.542.056	-	34.067.163	1.657.586.044

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2016	45.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	18.750.000
Hao mòn trong kỳ	7.500.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	26.250.000
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	26.250.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	18.750.000

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Ngày 1 tháng 1 năm 2016*
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
- Cùng góp vốn đầu tư với Công ty Cổ phần Điện Gia Lai *(Thuyết minh số 20) (*)*	89.849.575.416	90.039.758.323
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú *(**)*	-	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	**89.849.575.416**	**100.039.758.323**

(*) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản cùng đầu tư với Công ty Cổ phần Điện Gia Lai để thành lập một liên doanh cùng góp vốn xây dựng các công trình nhà máy thủy điện sau đây:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Ngày 1 tháng 1 năm 2016*
Nhà máy Thủy điện H'Mun	67.559.232.339	67.559.232.339
Nhà máy Thủy điện H'Chan	22.290.343.077	22.480.525.984
TỔNG CỘNG	**89.849.575.416**	**90.039.758.323**

(**) Chi tiết khoản đầu tư này như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		*Ngày 1 tháng 1 năm 2016*	
	Số lượng cổ phiếu	*Giá trị*	*Số lượng cổ phiếu*	*Giá trị*
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	-	-	1.000.000	10.000.000.000

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Ngày 1 tháng 1 năm 2016*
Bên liên quan *(Thuyết minh số 20)*	-	138.457.370
Bên thứ ba	4.682.517	4.500.000
TỔNG CỘNG	**4.682.517**	**142.957.370**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 1 tháng 1 năm 2016	*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã nộp/cấn trừ trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp *(Thuyết minh số 19.1)*	29.339.280	321.838.281	251.721.574	99.455.987
Thuế giá trị gia tăng	869.190.039	641.033.975	1.488.738.843	21.485.171
Thuế tài nguyên	10.232.483	10.842.164	16.098.320	4.976.327
TỔNG CỘNG	**908.761.802**	**973.714.420**	**1.756.558.737**	**125.917.485**
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	3.350.947	509.057.485	510.027.234	4.320.696

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Ngày 1 tháng 1 năm 2016*
Cổ tức phải trả	27.567.881	29.043.129.930
Khác	13.375.650	113.794.044
TỔNG CỘNG	**40.943.531**	**29.156.923.974**
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 20)	-	*19.062.718.143*
Các bên thứ ba	*40.943.531*	*10.094.205.831*

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015:					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015	246.569.880.000	(26.791.024.482)	5.283.743.345	29.382.280	225.091.981.143
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	839.587.245	839.587.245
Phân phối lợi nhuận	-	-	11.618.777	(11.618.777)	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	246.569.880.000	(26.791.024.482)	5.295.362.122	857.350.748	225.931.568.388
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	246.569.880.000	(26.791.024.482)	6.224.100.430	2.468.652.713	228.471.608.661
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.016.599.182	2.016.599.182
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	246.569.880.000	(26.791.024.482)	6.224.100.430	4.485.251.895	230.488.207.843

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 *Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
Vốn cổ phần đã góp		
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2016	246.569.880.000	246.569.880.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	-	-
Cổ tức chi trả	28.968.221.440	33.425.320.560
- *Chi bằng tiền*	*10.014.177.240*	*11.654.974.560*
- *Cấn trừ công nợ*	*18.954.044.200*	*21.770.346.000*

14.3 *Cổ phiếu*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Cổ phiếu)	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Cổ phiếu)*
Cổ phiếu được phép phát hành	24.656.988	24.656.988
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	*24.656.988*	*24.656.988*
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	*(2.374.003)*	*(2.374.003)*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*22.282.985*	*22.282.985*

15. DOANH THU

15.1 *Doanh thu thuần về bán hàng*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
Doanh thu bán điện thương phẩm	6.410.339.757	2.063.931.091
Trong đó:		
Phần doanh thu được chia từ HĐHTKD (Thuyết minh số 7)	*6.283.998.129*	*1.138.392.258*
Doanh thu thực hiện được của Công ty	*126.341.628*	*925.538.833*

15. DOANH THU (tiếp theo)

15.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
Lãi do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.000.000.000	-
Lãi từ góp vốn liên doanh	899.999.379	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	611.550.144	486.051.711
TỔNG CỘNG	**2.511.549.523**	**486.051.711**

16. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
Giá vốn của phần doanh thu được chia từ HĐHTKD	4.477.561.539	872.375.895
Giá vốn của doanh thu thực hiện được của Công ty	487.921.310	581.683.360
TỔNG CỘNG	**4.965.482.849**	**1.454.059.255**

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(721.506.334)

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
Chi phí nhân công	514.459.414	332.245.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.876.096	17.388.704
Chi phí khấu hao và hao mòn	98.616.497	7.582.898
Chi phí vật liệu quản lý	5.352.155	2.426.763
Chi phí khác	867.331.834	392.259.701
TỔNG CỘNG	**1.605.635.996**	**751.903.857**

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.269.250.215	514.997.274
Chi phí nhân công	1.163.228.241	450.758.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	435.549.558	659.843.475
Chi phí khác	1.715.423.803	580.363.985
TỔNG CỘNG	**6.583.451.817**	**2.205.963.112**

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Đối với Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2002). Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi dự án có thu nhập chịu thuế (năm 2002) và được giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu giữa tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**2.338.437.463**	**1.066.139.660**
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Chi phí không được khấu trừ	140.410.000	143.206.970
Lãi từ góp vốn liên doanh	(899.999.379)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	**1.578.848.084**	**1.209.346.630**
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	**321.838.281**	**226.552.415**
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	29.339.280	(9.990.355)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(77.688.592)	(41.878.788)
Thuế TNDN đã nộp bởi các bên liên doanh trong kỳ	(174.032.982)	(11.618.778)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	**99.455.987**	**163.064.494**

21. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty.

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	11.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay ngắn hạn	21.800.000.000	-
		Lãi cho vay	585.671.529	11.111.111
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thuỷ điện Kênh Bắc - Ayun Hạ	-	5.700.000.000
		Doanh thu được chia từ HĐHTKD	6.283.998.129	1.138.392.258
		Chi phí được chia từ HĐHTKD	5.444.176.540	917.635.483
		Bán điện thương phẩm	124.069.182	924.267.809
		Phí quản lý	208.381.958	349.978.918
		Phí dịch vụ tư vấn quản lý doanh nghiệp	84.409.091	81.818.182
		Chi phí thuê văn phòng	35.454.546	35.454.546
		Lãi cho vay	-	20.377.777
		Lãi từ góp vốn liên doanh	899.999.379	-
		Hoàn vốn liên doanh	3.237.184.604	-
		Chi hộ	23.347.097	-
		Điện tự dùng	10.174.610	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc – Ayun Hạ	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	433.484.278

21. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2016*	*Ngày 1 tháng 1 năm 2016*
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Cty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay ngắn hạn	30.600.000.000	17.250.000.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi góp vốn liên doanh	4.422.385.094	23.305.547.721
		Góp vốn liên doanh	-	21.163.944.249
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc – Ayun Hạ	Bên liên quan	Lãi cho vay	200.000.000	474.506.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	11.000.000.000	-
Cty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	141.627.779	-
TỔNG CỘNG			**15.764.012.873**	**44.943.998.470**
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Góp vốn liên doanh	91.056.412.796	94.103.414.493
Đầu tư tài chính dài hạn				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Góp vốn liên doanh	89.849.575.416	90.039.758.323
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Phí quản lý	-	138.457.370
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức	-	18.954.044.200
		Chi hộ	-	108.673.943
TỔNG CỘNG			**-**	**19.062.718.143**

21. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc trong kỳ như sau:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
Lương và thưởng	130.200.000	137.400.000

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015*
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)	2.016.599.182	839.587.245
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	22.282.985	22.282.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	90	38
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	90	38

Không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không trình bày.

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	*Ngày 1 tháng 1 năm 2016*
Đến 1 năm	35.454.545	78.000.000

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hồ Thị Anh Thư	Hồ Thị Anh Thư	Huỳnh Đoan
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2016